Nội dung hướng dẫn giải Unit 12 Lesson 1 Global Success Kết nối tri thức trang 12 được chúng tôi biên soạn bám sát nội dung lý thuyết và bài tập bộ sách Tiếng Anh lớp 3 chương trình mới. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 3.

Tiếng Anh 3 KNTT Unit 12 Lesson 1

1. Look, listen and repeat.

(Nhìn, nghe và lặp lại.)

Bài nghe:

a. This is my mother.

What's her job?

She's a doctor.

b.This is my faher.

What's his job?

He's a teacher.

Dịch:

a. Đây là mẹ của tôi.

Công việc của bà ấy là gì?

Bà ấy là bác sĩ.

b. Đây là bố của tôi.

Công việc của ông ấy là gì?

Ông ấy là giáo viên.

2. Listen, point and say.

(Nghe, chỉ và nói.)

Phương pháp giải:

- What's his / her job? *(Công việc của anh ấy / cô ấy là gì?)*

  He's / She's ___. *(Anh ấy / Cô ấy.)*

Bài nghe:

a.What's her job?

She's a doctor.

b. What's his job?

He's a driver.

c. What's her job?

She's a teacher.

d.What's his job?

He's a worker.

***Dịch**:*

a. Công việc của cô ấy là gì?

Cô ấy là bác sĩ.

b. Công việc của anh ấy là gì?

Anh ấy là tài xế.

c. Công việc của cô ấy là gì?

Cô ấy là giáo viên.

d. Công việc của anh ấy là gì?

Anh ấy là công nhân.

3. Let's talk.

(Hãy nói.)

Phương pháp giải:

- What's his / her job? *(Công việc của anh ấy / cô ấy là gì?)*

  He's / She's ___. *(Anh ấy / Cô ấy.)*

Bài nghe:

a.What's your mother job?

She's a doctor.

b. What's your father job?

He's a worker.

Dịch:

a. Công việc của mẹ bạn là gì?

Bà ấy là bác sĩ.

b. Công việc của bố bạn là gì?

Ông ấy là công nhân.

4. Listen and tick.

(Nghe và đánh dấu.)

Bài nghe:

1.

2.

5. Look, complete and read.

(Nhìn, hoàn thành và đọc.)

1. She's _____.

2. He's _____.

3. A: What's her job?
B: She's _____.

4. A: What's his job?
B: He's _____.

Lời giải chi tiết:

1. She's **a doctor.**

(Cô ấy là bác sĩ.)

2. He's **a teacher**.

(Là anh trai của tôi.)

3. A: What's her job? *(Công việc của cô ấy là gì?)*

B: She's **a worker.** *(Cô ấy là công nhân.)*

4. A: What's his job? *(Công việc của anh ấy là gì?)*

B: He's **a driver.** *(Anh ấy là tài xế.)*

6. Let's sing.

(Hãy hát.)

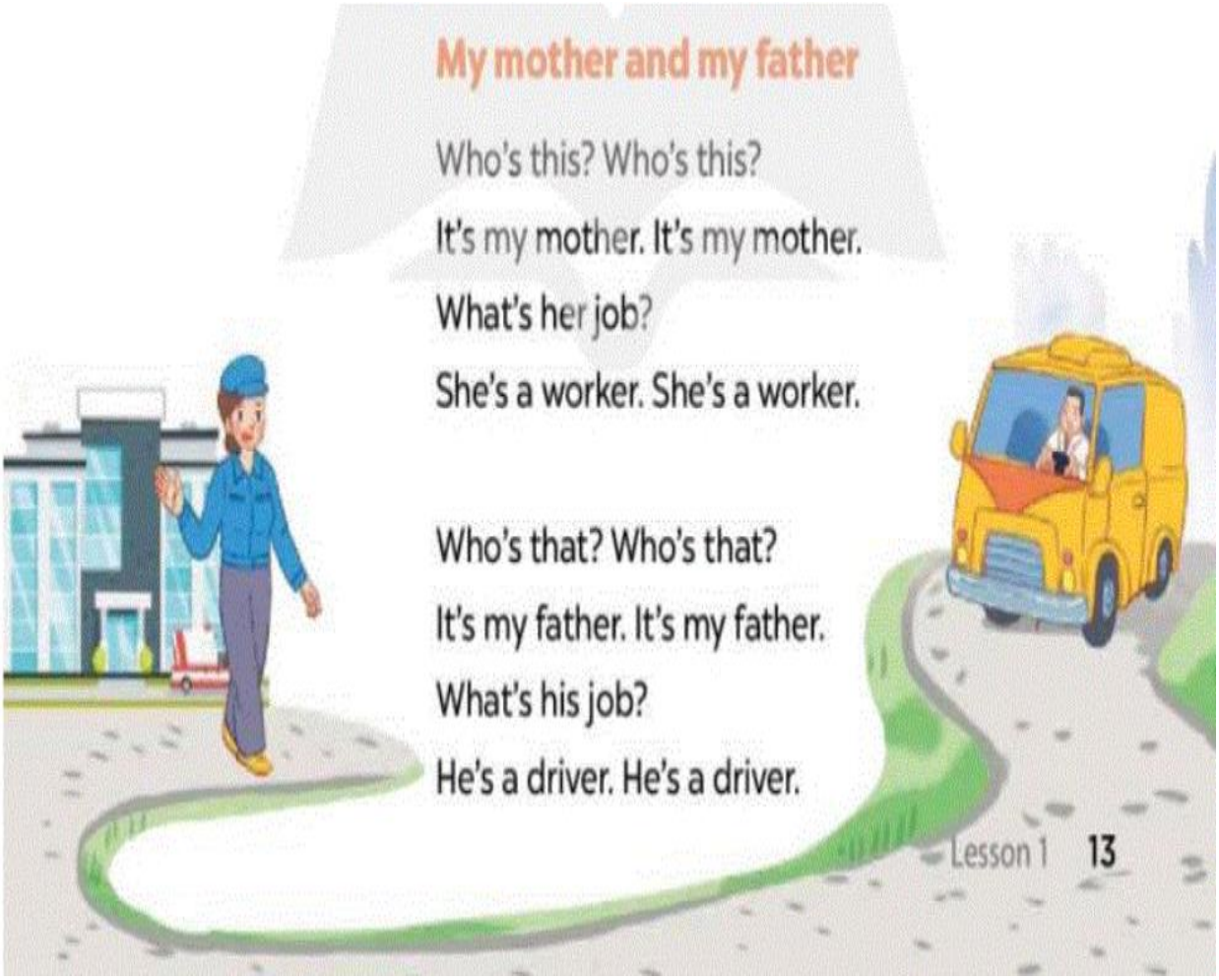

Phương pháp giải:

My father and my mother

Who's this? Who's this?

It's my mother. It's my mother.

What's her job?

She's a worker. She's a worker.

Who's that? Who's that?

It's my father. It's my father.

What's his job?

He's a driver. He's a driver.

***Dịch**:*

Bố tôi và mẹ tôi.

Đây là ai? Đây là ai?

Đây là mẹ tôi. Đây là mẹ tôi.

Công việc của bà ấy là gì?

Bà ấy là công nhân. Bà ấy là công nhân.

Đó là ai? Đó là ai?

Đó là bố tôi. Đó là bố tôi.

Công việc của ông ấy là gì?

Ông ấy là tài xế. Ông ấy là tài xế.